

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH 50/2014/NĐ-CP NGÀY 20/5/2014 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ QUẢN LÝ DỰ TRỮ NGOẠI HỐI NHÀ NƯỚC

Quy định tại ND 50	Quy định tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
Khoản 5 Điều 3 quy định: “5. Sinh lời là có chênh lệch dương giữa tổng thu nhập trừ chi phí đầu tư dự trữ ngoại hối chính thức trong năm tài khóa.”	Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau: “5. Sinh lời là có chênh lệch dương giữa tổng thu nhập trừ tổng chi phí đầu tư toàn bộ dự trữ ngoại hối chính thức trong năm tài khóa, không bao gồm thu nhập và chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư vàng”.	(i) Bổ sung cụm từ “toàn bộ” để làm rõ nguyên tắc sinh lời tính trên toàn bộ DTNH chính thức, không tính từng khoản riêng lẻ. (ii) Bổ sung nội dung “không bao gồm thu nhập và chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư vàng”, do: Khi nắm giữ vàng, các ngân hàng trung ương không đề cao mục tiêu lợi nhuận mà chủ yếu nhằm các mục tiêu như: đa dạng hóa danh mục đầu tư, phòng ngừa rủi ro, đảm bảo thanh khoản và hỗ trợ đồng bản tệ, đảm bảo sự ổn định kinh tế, góp phần nâng cao vị thế tài chính và danh tiếng của quốc gia trên trường quốc tế. Với tính chất đặc thù và vai trò của việc nắm

		giữ vàng trong danh mục đầu tư DTNH của NHTW như trên, nếu áp dụng nguyên tắc sinh lời (có chênh lệch dương giữa thu nhập và chi phí) đối với hoạt động đầu tư vàng trong DTNNH là không hợp lý và không khả thi. Vì vậy, thu nhập và chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư vàng cần được loại trừ ra khỏi thu nhập, chi phí đầu tư DTNH chính thức khi tính toán nguyên tắc sinh lời.
Khoản 7 Điều 3 quy định: 7. Cơ cấu đầu tư dự trữ ngoại hối chính thức bao gồm: Tỷ lệ của các loại ngoại tệ và khối lượng vàng; tỷ lệ đầu tư ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ, chứng khoán, các loại giấy tờ có giá và các hình thức đầu tư khác trong dự trữ ngoại hối chính thức và mức ngoại tệ tối đa để mua vàng trên thị trường quốc tế của Quỹ bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định trong từng thời kỳ.	Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau: “7. Cơ cấu đầu tư dự trữ ngoại hối chính thức bao gồm: Tỷ lệ của các loại ngoại tệ và khối lượng vàng; tỷ lệ đầu tư ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ, chứng khoán, các loại giấy tờ có giá và các hình thức đầu tư khác trong dự trữ ngoại hối chính thức và mức ngoại tệ tối đa để mua vàng trên thị trường quốc tế của Quỹ tỷ giá và quản lý thị trường vàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định trong từng thời kỳ.”	Bỏ cụm từ “trong từng thời kỳ”, để thống nhất nội dung và tránh trùng lặp quy định trong văn bản (do Khoản 5 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung thành “5. Định kỳ hàng năm và khi cần thiết, Thống đốc NHNN ban hành Quyết định cơ cấu đầu tư DTNH chính thức và báo cáo TTCP.”)
Khoản 8 Điều 3 quy định: 8. Tiêu chuẩn đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước bao gồm: Mức xếp hạng tín nhiệm của đối tác được phép đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước, loại chứng khoán, giấy tờ có	Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau: 8. Tiêu chuẩn đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước bao gồm: Mức xếp hạng tín nhiệm của đối tác được phép đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước, loại chứng khoán, giấy tờ	Bỏ cụm từ “trong từng thời kỳ”, để thống nhất nội dung và tránh trùng lặp quy định trong văn bản Bổ sung khoản 5a sau khoản 5 Điều 6 như sau: “5a. Thống đốc NHNN ban hành Quyết định

giá được phép đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định trong từng thời kỳ.	có giá được phép đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước do Thống đốc NHNN quy định trong từng thời kỳ.	tiêu chuẩn, hạn mức đầu tư DTNHNN trong từng thời kỳ, báo cáo TTCP.”)
Khoản 9 Điều 3 quy định: 9. Hạn mức đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước là mức ngoại hối tối đa được phép đầu tư theo đối tác và hình thức đầu tư do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định trong từng thời kỳ.	d) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau: 9. Hạn mức đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước là mức ngoại hối tối đa được phép đầu tư theo đối tác và hình thức đầu tư do Thống đốc NHNN quy định trong từng thời kỳ .	Bỏ cụm từ “trong từng thời kỳ”, để thống nhất nội dung và tránh trùng lặp quy định trong văn bản. (Bổ sung khoản 5a sau khoản 5 Điều 6 như sau: “5a. Thống đốc NHNN ban hành Quyết định tiêu chuẩn, hạn mức đầu tư DTNHNN và báo cáo TTCP.”)
Khoản 10 Điều 3 quy định: 10. Can thiệp thị trường trong nước là việc Ngân hàng Nhà nước mua, bán, hoán đổi ngoại tệ và vàng và thực hiện các hình thức can thiệp khác trên thị trường trong nước.	Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau: “10. Can thiệp thị trường trong nước là hoạt động mua, bán, hoán đổi, quyền chọn ngoại tệ và vàng hoặc các hình thức can thiệp khác của Ngân hàng Nhà nước trên thị trường trong nước nhằm mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia.”	Bổ sung làm rõ hoạt động can thiệp nhằm mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia. Ngoài ra, bổ sung thêm hình thức “quyền chọn” tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai can thiệp thị trường theo yêu cầu điều hành trong từng thời kỳ. Việc bổ sung công cụ này nhằm đa dạng hóa các hình thức can thiệp của NHNN, qua đó góp phần hỗ trợ ổn định thị trường, nâng cao hiệu quả thực thi chính sách tiền tệ.
Điều 5. Nguồn hình thành dự trữ ngoại hối nhà nước 1. Ngoại hối mua từ ngân sách nhà nước và thị trường ngoại hối.	Bổ sung khoản 4a vào Điều 5: Điều 5. Nguồn hình thành dự trữ ngoại hối nhà nước 1. Ngoại hối mua từ ngân sách nhà nước và thị trường ngoại hối.	Theo quy định tại khoản 3 Điều 4, quyền rút vốn đặc biệt của IMF (SDR) thuộc thành phần DTNHNN. Tuy nhiên, Điều 5 chưa quy định SDR là nguồn hình thành nên DTNHNN. Do đó, cần bổ sung quy định nguồn hình thành dự trữ ngoại hối nhà nước bao gồm Quyền rút vốn đặc biệt của Quỹ

2. Ngoại hối từ các khoản vay ngân hàng và tổ chức tài chính quốc tế. 3. Ngoại hối từ tiền gửi ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng. 4. Ngoại hối mua từ các khoản sinh lời từ đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước. 5. Ngoại hối từ các nguồn khác	2. Ngoại hối từ các khoản vay ngân hàng và tổ chức tài chính quốc tế. 3. Ngoại hối từ tiền gửi ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng. 4. Ngoại hối mua từ các khoản sinh lời từ đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước. 4a. Quyền rút vốn đặc biệt của Quỹ Tiền tệ quốc tế. 5. Ngoại hối từ các nguồn khác	Tiền tệ quốc tế.
	Bổ sung Điều 5a như sau: “Điều 5a. Quyền rút vốn đặc biệt của Quỹ Tiền tệ quốc tế NHNN ghi nhận Quyền rút vốn đặc biệt được Quỹ Tiền tệ quốc tế phân bổ, phân phối vào Quỹ DTNH.”	NĐ 50 quy định DTNHNN bao gồm 03 Quỹ (Quỹ DTNH, Quỹ Bình ổn và Quỹ 3) nhưng chưa có quy định về cách thức phân bổ (ghi nhận) SDR vào Quỹ nào trong DTNHNN. Trên cơ sở đặc trưng của SDR, việc sử dụng SDR có tính chất tương tự như một khoản vay cho các nhu cầu của Chính phủ, theo quy định về phạm vi sử dụng của các Quỹ thuộc DTNHNN và kinh nghiệm quản lý SDR từ lần phân bổ năm 2009, SDR được IMF phân bổ cần được ghi nhận vào Quỹ DTNH thuộc DTNHNN. Trong trường hợp Chính phủ cần sử dụng SDR cho nhu cầu của NSNN, việc sử dụng SDR thực hiện theo quy định tại Điều 15 NĐ 50. Vì vậy, đề xuất bổ sung vào NĐ 50 quy định ghi nhận SDR do IMF phân bổ, phân phối vào Quỹ DTNH.

Khoản 3 Điều 6 quy định: 3. Cơ sở xây dựng cơ cấu đầu tư của Quỹ bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng: a) Mục tiêu chính sách tiền tệ, chính sách tỷ giá và giá vàng; b) Tình hình biến động tỷ giá và giá vàng trên thị trường ngoại hối trong nước và quốc tế; c) Tình hình sử dụng các loại ngoại tệ trong thanh toán xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ và trả nợ nước ngoài của Việt Nam; d) Hạn mức ngoại hối của Quỹ bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong từng thời kỳ.	3. Cơ sở xây dựng cơ cấu đầu tư của Quỹ bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng: a) Mục tiêu chính sách tiền tệ, chính sách tỷ giá và giá vàng; b) Tình hình biến động tỷ giá và giá vàng trên thị trường ngoại hối trong nước và quốc tế; c) Tỷ trọng các loại ngoại tệ trong giao dịch mua, bán giữa tổ chức tín dụng với khách hàng trên thị trường ngoại hối trong nước.	Đổi chỉ tiêu “tình hình sử dụng các loại ngoại tệ trong thanh toán xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ và trả nợ nước ngoài của Việt Nam” thành chỉ tiêu “số liệu tỷ trọng các loại ngoại tệ trong giao dịch mua, bán ngoại tệ giữa tổ chức tín dụng với khách hàng” do tính đại diện cao hơn và thu thập số liệu thuận lợi hơn. Bỏ điểm d để tránh trùng lặp quy định tại khoản 1 Điều 17.
Khoản 5 Điều 6 quy định: “5. Định kỳ 6 tháng và khi cần thiết, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định phê duyệt cơ cấu, tiêu chuẩn, hạn mức đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước và báo cáo Thủ tướng Chính phủ đồng thời gửi Bộ Tài chính để phối hợp.”	(i) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau: “5. Định kỳ hàng năm và khi cần thiết, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định cơ cấu đầu tư dự trữ ngoại hối chính thức và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.” (ii) Bổ sung khoản 5a như sau: “5a. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban	Định kỳ 6 tháng là quá ngắn, không phù hợp để đưa ra những chính sách mang tính định hướng dài hạn hơn và làm giảm tính linh hoạt trong việc xây dựng phương án đầu tư hàng quý. Do đó, cần (i) sửa đổi kỳ hạn ban hành Quyết định cơ cấu đầu tư DTNH chính thức từ 6 tháng thành kỳ hạn “hàng năm” và (ii) bỏ kỳ hạn ban hành Quyết định tiêu chuẩn, hạn mức đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước. Theo đó, Thống đốc sẽ

	hành Quyết định tiêu chuẩn, hạn mức đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.”	ban hành Quyết định sửa đổi Quyết định tiêu chuẩn, hạn mức đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước khi cần thiết. Đồng thời, bỏ quy định gửi cho Bộ Tài chính do không phù hợp.
Điều 8. Kiểm tra việc quản lý DTNHNN Hàng năm, BTC kiểm tra việc quản lý DTNHNN của NHNN theo các quy định tại Nghị định này.	Bỏ Điều 8	Đề phù hợp với dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật NHNN bỏ khoản 5 Điều 32 quy định về BTC kiểm tra việc quản lý DTNHNN của NHNN.
Khoản 1 Điều 11 quy định: 1. Bộ Tài chính có trách nhiệm gửi toàn bộ số ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước.	Sửa đổi khoản 1 Điều 11: 1. Bộ Tài chính có trách nhiệm gửi toàn bộ số ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước, trừ những loại ngoại tệ mà KBNN chưa được mở tài khoản tại NHNN.	Bổ sung thêm cụm từ “trừ những loại ngoại tệ mà KBNN chưa được mở tài khoản tại NHNN” để phù hợp với thực tế quản lý, đồng thời phù hợp với quy định tại Điều 10 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung.
Khoản 2, 3, 4 Điều 11 quy định: 2. Hàng năm, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hạn mức ngoại tệ được phép giữ lại để chi ngoại tệ thường xuyên của ngân sách nhà nước. Trên cơ sở hạn mức ngoại tệ được Thủ tướng Chính phủ cho phép giữ lại, Bộ Tài chính có trách nhiệm bán toàn bộ số ngoại tệ còn lại bổ sung dự trữ ngoại hối chính thức.	Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 và 4 Điều 11 như sau: “2. Hàng năm, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hạn mức ngoại tệ được phép giữ lại để chi thường xuyên bằng ngoại tệ của ngân sách nhà nước, chi đầu tư phát triển bằng ngoại tệ của ngân sách nhà nước, chi trả nợ nước ngoài (gốc, lãi) của Chính phủ và các nhu cầu chi ngoại tệ thường xuyên khác của	(i) Sửa đổi quy định “để chi ngoại tệ thường xuyên của ngân sách nhà nước” thành “để chi thường xuyên bằng ngoại tệ của ngân sách nhà nước, chi đầu tư phát triển bằng ngoại tệ của ngân sách nhà nước, chi trả nợ nước ngoài (gốc, lãi) của Chính phủ và các nhu cầu chi ngoại tệ thường xuyên khác của ngân sách nhà nước”. Do: + Quy định tại khoản 2 Điều 11 NĐ 50 có hai cách hiểu khác nhau giữa các cơ quan quản lý nhà nước, gồm (i) chi thường xuyên bằng ngoại tệ

3. Hằng năm, chậm nhất đến ngày 31 tháng 3, Bộ Tài chính có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước thông báo kế hoạch bán ngoại tệ trong năm chi tiết theo quý để bổ sung dự trữ ngoại hối chính thức. 4. Trường hợp ngân sách nhà nước có khả năng không cân đối được ngoại tệ để thực hiện việc trả nợ nước ngoài của Chính phủ và các nhu cầu chi ngoại tệ khác của ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính phối hợp với Ngân hàng Nhà nước xây dựng phương án cân đối bán ngoại tệ cho ngân sách nhà nước.	ngân sách nhà nước. 3. Trên cơ sở hạn mức ngoại tệ được Thủ tướng Chính phủ cho phép giữ lại, Bộ Tài chính có trách nhiệm bán toàn bộ số ngoại tệ còn lại cho Ngân hàng Nhà nước để bổ sung dự trữ ngoại hối chính thức. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước từ chối mua ngoại tệ, Bộ Tài chính bán cho các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối. Hằng năm, chậm nhất đến ngày 31 tháng 3, Bộ Tài chính có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước thông báo kế hoạch bán ngoại tệ trong năm chi tiết theo quý để bổ sung dự trữ ngoại hối chính thức. 4. Trường hợp Bộ Tài chính không tự cân đối được ngoại tệ từ ngân sách nhà nước, các Quỹ, các nguồn ngoại tệ khác do Bộ Tài chính quản lý cho các nhu cầu chi ngoại tệ của ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính mua ngoại tệ từ các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và có thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước về việc mua ngoại tệ từ thị trường, chi tiết theo loại ngoại tệ, số lượng và thời điểm dự	hoặc (ii) các khoản thường xuyên chi bằng ngoại tệ. + Về thực tế triển khai quy định này, thời gian qua, hàng năm BTC trình TTCP phê duyệt hạn mức ngoại tệ được phép giữ lại trên cơ sở kế hoạch thu, chi bằng ngoại tệ của NSNN trong năm, trong đó kế hoạch chi ngoại tệ của NSNN bao gồm: chi trả nợ gốc và lãi vay nước ngoài, chi trả lãi trái phiếu Chính phủ bằng ngoại tệ, chi nhập khẩu thiết bị, kinh phí các cơ quan đại diện ở nước ngoài,... Đồng thời, BTC đã có văn bản đề nghị thống nhất cách hiểu và làm rõ (tại Nghị định sửa đổi, bổ sung ND 50) việc chi ngoại tệ thường xuyên của NSNN bao gồm chi trả nợ nước ngoài (gốc, lãi) của Chính phủ và các nhu cầu chi ngoại tệ khác của NSNN. Bổ sung quy định “Trường hợp Ngân hàng Nhà nước từ chối mua ngoại tệ, Bộ Tài chính bán cho các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối.” để làm rõ trường hợp NHNN từ chối mua ngoại tệ. (iii) Bổ sung quy định Bộ Tài chính mua ngoại tệ từ các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và có thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước về việc mua ngoại tệ từ thị trường, chi tiết theo loại ngoại tệ, số lượng và thời điểm dự kiến mua (đối
---	--	--

	kiến mua. Trường hợp Bộ Tài chính không tự cân đối được ngoại tệ từ ngân sách nhà nước, các Quỹ, các nguồn ngoại tệ khác do Bộ Tài chính quản lý và từ mua ngoại tệ trên thị trường cho các nhu cầu chi ngoại tệ của ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính phối hợp với Ngân hàng Nhà nước bán ngoại tệ cho ngân sách nhà nước.”	với trường hợp Bộ Tài chính không tự cân đối được ngoại tệ từ ngân sách nhà nước, các Quỹ, các nguồn ngoại tệ khác do Bộ Tài chính quản lý cho các nhu cầu chi ngoại tệ của ngân sách nhà nước) để làm rõ hơn quy định về trường hợp NSNN không cân đối được ngoại tệ.
NĐ 50 chưa có quy định	Bổ sung Điều 12a như sau: “Điều 12a. Giao dịch ngoại tệ giữa dự trữ ngoại hối chính thức với tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt Giao dịch ngoại tệ giữa dự trữ ngoại hối chính thức với tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt để hỗ trợ thanh khoản cho tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.”	Điểm b khoản 3 Điều 191 Luật TCTD quy định TCTD khi bị rút tiền hàng loạt được thực hiện giao dịch ngoại tệ với NHNN để bảo đảm thanh khoản theo quy định của Thống đốc NHNN. Để triển khai quy định mới này, NĐ 50 cần bổ sung quy định về giao dịch ngoại tệ giữa dự trữ ngoại hối chính thức với TCTD bị rút tiền hàng loạt.
Điều 16 quy định: Điều 16. Phạm vi sử dụng Quỹ bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 5 Điều 16 như sau: Điều 16. Phạm vi sử dụng Quỹ bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng	

Quỹ bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng được sử dụng để: 1. Can thiệp thị trường ngoại tệ và vàng trong nước. 2. ... 3. ... 4.... 5. Bán hoặc tạm ứng ngoại tệ cho các nhu cầu ngoại hối phát sinh từ các nghiệp vụ tác nghiệp, quản lý của Ngân hàng Nhà nước.	Quỹ bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng được sử dụng để: 1. Can thiệp thị trường trong nước 2 ... 3. ... 4.... 5. Bán hoặc tạm ứng ngoại tệ cho các nhu cầu ngoại hối phát sinh từ các nghiệp vụ tác nghiệp, quản lý của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm trả phí nước ngoài, góp vốn và trả các khoản đóng góp vào các tổ chức quốc tế, mua sắm trang thiết bị, phần mềm quản lý từ nước ngoài, thuê chuyên gia nước ngoài và các nhu cầu ngoại hối khác phục vụ tác nghiệp, quản lý của Ngân hàng Nhà nước. 6... 7. Thực hiện các nghiệp vụ khác theo quy định của Thống đốc.”	(i) Sửa đổi cụm từ “Can thiệp thị trường ngoại tệ và vàng trong nước” thành cụm từ “Can thiệp thị trường trong nước” để thống nhất với các quy định tại Nghị định (bao gồm khoản 10 Điều 3) (ii) Sửa đổi để có quy định cụ thể rõ ràng hơn về các hoạt động nghiệp vụ tác nghiệp, quản lý được mua ngoại tệ từ Quỹ Bình ổn. Bổ sung khoản 7: Thực hiện các nghiệp vụ khác theo quy định của Thống đốc để phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 10 NĐ 50 các nghiệp vụ quản lý DTNH chính thức bao gồm: “5.Các nghiệp vụ quản lý dự trữ ngoại hối chính thức khác do Thống đốc NHNN quyết định trong từng thời kỳ”.
Khoản 1 Điều 17 quy định: 1. Hạn mức ngoại hối của Quỹ bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng do Thủ	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 như sau: “1. Hạn mức ngoại hối của Quỹ Bình ổn	Bỏ cụm từ “trong từng thời kỳ” và bổ sung nội dung “Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều chỉnh Hạn mức

tướng Chính phủ quyết định trong từng thời kỳ.	tỷ giá và quản lý thị trường vàng do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều chỉnh Hạn mức ngoại hối của Quỹ Bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng khi cần thiết.”	ngoại hối của Quỹ Bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng khi cần thiết” để làm rõ NHNN trình TTCP quyết định việc điều chỉnh Hạn mức ngoại hối của Quỹ Bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng khi cần thiết.
Điều 18. Can thiệp thị trường trong nước 1. Căn cứ mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia và tình hình biến động tỷ giá và giá vàng trên thị trường trong nước, Ngân hàng Nhà nước xây dựng cơ chế can thiệp thị trường trong nước trong từng thời kỳ. 2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định phương án can thiệp cụ thể, bao gồm: a) Thời điểm can thiệp; b) Loại ngoại tệ, số lượng ngoại tệ và khối lượng vàng can thiệp; c) Tỷ giá và giá vàng can thiệp; d) Hình thức can thiệp bao gồm mua, bán, hoán đổi ngoại tệ và vàng; đ) Đối tác thực hiện can thiệp; e) Việc chuyển đổi từ vàng tiêu chuẩn	Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau: “Điều 18. Can thiệp thị trường trong nước 1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định phương án can thiệp khi cần thiết trên cơ sở các yếu tố sau đây: a) Mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia; b) Tình hình thị trường ngoại tệ đối với trường hợp can thiệp trên thị trường ngoại tệ trong nước; c) Tình hình thị trường vàng trong nước đối với trường hợp can thiệp thị trường vàng trong nước; d) Tình hình thanh khoản đồng Việt Nam đối với trường hợp can thiệp liên quan đến thanh khoản đồng Việt Nam trên thị trường trong nước.” 2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hình	Bổ quy định Ngân hàng Nhà nước xây dựng cơ chế can thiệp thị trường trong nước trong từng thời kỳ, do: can thiệp thị trường là một công cụ của NHNN nhằm bình ổn thị trường khi có dấu hiệu bất ổn hoặc có các cú sốc bất ngờ xảy ra. Do đó, hoạt động can thiệp thị trường phải được thực hiện một cách kịp thời và linh hoạt, phù hợp với từng giai đoạn, từng thời điểm và bối cảnh, điều kiện thị trường cụ thể. - Hoạt động can thiệp thị trường phải được thực hiện một cách kịp thời và linh hoạt, phù hợp với từng giai đoạn, từng thời điểm và bối cảnh, cơ chế can thiệp thị trường được xây dựng trước sẽ là cứng nhắc và không phù hợp. - Nghị định quy định về cơ sở xây dựng phương án can thiệp, nội dung phương án can thiệp nên được quy định tại Thông tư hướng dẫn.

quốc tế sang vàng khác và ngược lại khi cần thiết; g) Các nội dung khác có liên quan, 3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hình thức can thiệp khác ngoài các hình thức can thiệp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều này.	thức can thiệp khác quy định tại khoản 2 Điều này.”	
Điều 22. Hạch toán kế toán 1. Dự trữ ngoại hối nhà nước được hạch toán theo nguyên tệ và Đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc đánh giá lại dự trữ ngoại hối nhà nước trên bảng cân đối kế toán của Ngân hàng Nhà nước để theo dõi sự tăng hoặc giảm giá trị dự trữ ngoại hối nhà nước bằng Đồng Việt Nam nhằm phản ánh biến động về tỷ giá và giá vàng trên thị trường trong nước và quốc tế. 2. Thu nhập và chi phí phát sinh trong quá trình quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước được hạch toán vào thu nhập và chi phí nghiệp vụ ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật. Thu	Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau: “Điều 22. Hạch toán kế toán 1. Dự trữ ngoại hối nhà nước được hạch toán theo nguyên tệ (theo khối lượng đối với vàng) và đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc đánh giá lại dự trữ ngoại hối nhà nước trên Báo cáo tình hình tài chính của Ngân hàng Nhà nước để theo dõi sự tăng hoặc giảm giá trị dự trữ ngoại hối nhà nước bằng đồng Việt Nam nhằm phản ánh biến động về tỷ giá và giá vàng thuộc dự trữ ngoại hối nhà nước trên thị trường trong nước và quốc tế, không nhằm đánh giá việc thực hiện nguyên tắc sinh lời. 2. Thu nhập và chi phí phát sinh trong	- Về khoản 1: Cần bổ sung để làm rõ vàng được hạch toán theo khối lượng và đồng Việt Nam. Đồng thời, bổ sung quy định làm rõ NHNN đánh giá lại DTNNHN chỉ để theo dõi biến động tỷ giá và giá vàng trên thị trường quốc tế, không nhằm mục đích đánh giá việc thực hiện nguyên tắc sinh lời. Đồng thời, sửa cụm từ “trên bảng cân đối kế toán của Ngân hàng Nhà nước” thành cụm từ “trên Báo cáo tình hình tài chính của Ngân hàng Nhà nước” để phù hợp với các quy định trong hệ thống pháp luật về kế toán. - Về khoản 2: bỏ quy định “Thu nhập và chi phí phát sinh khi thực hiện mua, bán vàng trên thị

nhập và chi phí phát sinh khi thực hiện mua, bán vàng trên thị trường quốc tế phục vụ can thiệp thị trường trong nước, xuất khẩu, nhập khẩu, chuyển đổi vàng và các hoạt động can thiệp thị trường ngoại hối trong nước khác là thu nhập và chi phí phục vụ mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ, chính sách tỷ giá và vàng.	quá trình quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước được hạch toán vào thu nhập và chi phí nghiệp vụ ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.”	trường quốc tế phục vụ can thiệp thị trường trong nước, xuất khẩu, nhập khẩu, chuyển đổi vàng và các hoạt động can thiệp thị trường ngoại hối trong nước khác là thu nhập và chi phí phục vụ mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ, chính sách tỷ giá và vàng.” Do: + Điều 12 và 13 Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế tài chính của NHNN và dự thảo Nghị định thay thế Quyết định 07/2013/QĐ-TTg đã có quy định về các khoản thu chi của NHNN. Do đó, NĐ 50 chỉ quy định về nguyên tắc các khoản thu nhập và chi phí phát sinh trong quá trình quản lý DTNHNN được hạch toán vào thu nhập và chi phí nghiệp vụ ngân hàng của NHNN theo quy định của pháp luật, không cần quy định cụ thể về nội dung thu nhập, chi phí. + Ngoài ra, Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg không có quy định về thu nhập và chi phí phục vụ mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ, chính sách tỷ giá và vàng. Do đó, quy định tại khoản 2 Điều 22 về thu nhập và chi phí phục vụ mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ, chính sách tỷ giá và vàng là không cần thiết.
Điều 23. Chế độ báo cáo 1. Định kỳ 6 tháng, Ngân hàng Nhà nước	Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau: “1. Định kỳ 6 tháng và khi cần thiết,	- Về khoản 1 và 2: Quy mô DTNHNN tại thời điểm cuối năm là chỉ tiêu không thể dự đoán chính

báo cáo Thủ tướng Chính phủ về diễn biến quy mô và tình hình sử dụng dự trữ ngoại hối nhà nước, đồng gửi Bộ Tài chính. 2. Định kỳ hằng năm và khi cần thiết, Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước và dự kiến mức dự trữ ngoại hối nhà nước, hạn mức Quỹ bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng trong năm tiếp theo, đồng gửi Bộ Tài chính.	Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ về diễn biến quy mô và tình hình sử dụng dự trữ ngoại hối nhà nước, đồng gửi Bộ Tài chính. 2. Muộn nhất cuối quý I hằng năm và khi cần thiết, Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đồng gửi Bộ Tài chính về tình hình thực hiện quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước của năm trước. 3. Muộn nhất cuối quý I hằng năm, Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ dự thảo báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội về tình hình biến động dự trữ ngoại hối nhà nước của năm trước.”	xác trước tại một thời điểm rất sớm (vào cuối quý I, NHNN xây dựng mức DTNHNN dự kiến để báo cáo TTCP). Vì vậy quy định NHNN xây dựng mức dự kiến về quy mô DTNHNN để báo cáo TTCP tại Điều 23 NĐ 50 là không phù hợp. Đề xuất sửa đổi khoản 1 và 2 Điều 23 theo hướng NHNN báo cáo TTCP: (i) diễn biến quy mô và tình hình sử dụng DTNHNN theo định kỳ 6 tháng và khi cần thiết; (ii) tình hình quản lý DTNHNN: muộn nhất cuối quý I hằng năm và khi cần thiết. Bỏ quy định về báo cáo về hạn mức Quỹ bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng trong năm tiếp theo, do nội dung về hạn mức Quỹ bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng đã được quy định tại khoản 1 Điều 11. - Về việc bổ sung khoản 3: Khoản 4 Điều 34 Pháp lệnh ngoại hối quy định: “Chính phủ báo cáo UBNDTP về tình hình biến động DTNHNN.” NĐ 50 cần bổ sung quy định chi tiết về nội dung này.
--	---	---